BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

-------*-------

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

Hà Nội, 2024

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

Trên cơ sở Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính tại Điều 91, bảo vệ tầng ô-dôn tại Điều 92, tổ chức và phát triển thị trường các-bon tại Điều 139, ngày 07 tháng 01 năm 2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và bối cảnh quốc tế và trong nước đặt ra những yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung một số điều để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động đăng ký dự án, cấp tín chỉ các-bon cho dự án và chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp thực hiện các chính sách giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, góp phần thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Trong đó, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô dôn, quy định chi tiết các Điều 91 về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, Điều 92 về bảo vệ tầng ô-dôn và Điều 139 về tổ chức và phát triển thị trường các-bon của Luật Bảo vệ môi trường dự kiến sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát, đánh giá thực trạng quy định thủ tục hành chính tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP để đề xuất hoàn thiện tại Dự thảo Nghị định này theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, đẩy mạnh xã hội hóa và ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu trong thực hiện thủ tục hành chính. Theo đó, dự thảo Nghị định đã bổ sung mới 09 thủ tục hành chính; sửa đổi theo hướng minh bạch hóa, đơn giản hóa 02 thủ tục hành chính; phân cấp 02 thủ tục hành chính; xã hội hóa cho các tổ chức có đủ điều kiện thực hiện 01

thủ tục hành chính và có giải pháp để thực hiện dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính trên Hệ thống đăng ký quốc gia. Cụ thể như sau:

1. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ: Không có.

2. Các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung theo hướng đơn giản hóa, tăng cường phân cấp, đẩy mạnh xã hội hóa và số hóa, tái sử dụng dữ liệu trong thực hiện thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

(1) Thủ tục thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở (Sửa điểm a khoản 4 Điều 10; khoản 6 Điều 11).

(2) Thủ tục xác nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch (Bổ sung điểm b1 khoản 4 Điều 11, khoản 6a Điều 11): Xã hội hóa hoạt động thẩm định cho tổ chức có đủ điều kiện.

(3) Thủ tục thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở cho các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính (Sửa đổi khoản 6 Điều 11): Quy định cụ thể, rõ ràng, minh bạch hơn về trình tự thực hiện.

(4) Thủ tục xác nhận tín chỉ các-bon được phép giao dịch (Sửa đổi khoản 2 Điều 18): Quy định cụ thể hơn về đối tượng trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và đối tượng trao đổi tín chỉ các-bon; quy định việc thực hiện trên Hệ thống đăng ký quốc gia để số hóa dữ liệu và tái sử dụng dữ liệu.

(5) Thủ tục đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia (Bổ sung khoản 5 Điều 18): Về cơ bản kế thừa các quy định về định danh và xác thực điện tử để bảo đảm việc quản lý, vận hành Hệ thống đăng ký quốc gia đơn giản, minh bạch, an toàn an ninh thông tin.

(6) Đăng ký phương pháp luận theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (khoản 8 Điều 20): Quy định rõ ràng, cụ thể, minh bạch hơn.

(7) Đăng ký ý tưởng dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (khoản 9 Điều 20): Quy định rõ ràng, minh bạch hơn để thực hiện dự án hiệu quả.

(8) Đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (khoản 10 Điều 20): Quy định rõ ràng, minh bạch hơn để thực hiện dự án hiệu quả.

(9) Cấp tín chỉ các-bon (khoản 11 Điều 20): Quy định rõ ràng, minh bạch hơn để thực hiện dự án hiệu quả.

(10) Chấp thuận, chuyển đổi dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon đối với cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, điều ước và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (khoản 12 Điều 20): Bổ sung quy định về chuyển đổi dự án; quy định cụ thể, rõ ràng, minh bạch hơn.

(11) Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế (khoản 15 Điều 20): Bổ sung quy định để đảm bảo thực hiện hiệu quả Công ước.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Lợi ích, hiệu quả của các quy định thủ tục hành chính tại dự thảo

a) Cắt giảm thủ tục, chi phí, thời gian thực hiện thủ tục hành chính

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định đã rà soát, đánh giá quy định thủ tục hành chính tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP; từ đó, đơn giản hóa nội dung quy định thủ tục hành chính theo hướng cắt giảm các bước thực hiện, giảm hồ sơ phải nộp, giảm tiếp xúc trực tiếp, tăng thực hiện trực tuyến toàn trình, từ đó giúp cắt giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính của các thủ tục hành chính như: thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở (Sửa điểm a khoản 4 Điều 10; khoản 6 Điều 11); thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở cho các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính (Sửa đổi khoản 6 Điều 11); xác nhận tín chỉ các-bon được phép giao dịch (Sửa đổi khoản 2 Điều 18); đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia (Bổ sung khoản 5 Điều 18); bổ sung các thủ tục hành chính theo hướng đơn giản như: Thủ tục thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở (điểm a khoản 4 Điều 10, khoản 6 Điều 11); xác nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch (điểm b1 khoản 4 Điều 11, khoản 6a Điều 11); đăng ký phương pháp luận theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (khoản 8 Điều 20); đăng ký ý tưởng dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (khoản 9 Điều 20); đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (khoản 10 Điều 20); cấp tín chỉ các-bon (khoản 11 Điều 20); chuyển đổi dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon đối với cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, điều ước và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (khoản 12 Điều 20); Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế (khoản 15 Điều 20).

b) Công khai, minh bạch trong thực hiện thủ tục hành chính

Qua rà soát, một số quy định thủ tục hành chính tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định chưa cụ thể, rõ ràng hoặc còn thiếu một số bộ phận cấu thành, dẫn đến khó khăn trong việc công bố, công khai thủ tục, giảm hiệu quả minh bạch trong thực hiện. Do đó, dự thảo Nghị định này đã bổ sung đầy đủ, cụ thể, rõ ràng hơn các bộ phận cấu thành của thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho việc tiếp cận, thực hiện thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp như: Thủ tục thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở cho các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính (Sửa đổi khoản 6 Điều 11); đăng ký phương pháp luận theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (khoản 8 Điều 20); đăng ký ý tưởng dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (khoản 9

Điều 20); đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (khoản 10 Điều 20); cấp tín chỉ các-bon (khoản 11 Điều 20); chấp thuận, chuyển đổi dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (khoản 12 Điều 20); ban hành Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế (khoản 15 Điều 20).

c) Đẩy mạnh phân công, phân cấp trong thực hiện thủ tục hành chính

Tiếp tục thực hiện chủ trương lớn của Đảng về việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, dự thảo Nghị định đã rà soát và tiếp tục thực hiện phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện một số thủ tục hành chính, từ đó giúp tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối việc quản lý nhà nước trên địa bàn; đồng thời, giúp giảm chi phí đi lại, thực hiện thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân trên địa bàn, phù hợp với thực tiễn quản lý và điều kiện địa lý của Việt Nam như: Thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở (Sửa điểm a khoản 4 Điều 10; khoản 6 Điều 11); thủ tục xác nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch (Bổ sung điểm b1 khoản 4 Điều 11, khoản 6a Điều 11).

d) Tăng cường xã hội hóa, chuyển giao một số dịch vụ công cho các cơ sở ngoài nhà nước thực hiện

Thực hiện chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước về xã hội hóa dịch vụ công, dự thảo Nghị định đã rà soát và bổ sung quy định chuyển giao việc thực hiện một số dịch vụ công cho cơ sở ngoài nhà nước có đủ điều kiện thực hiện. Việc thực hiện này giúp các cơ quan nhà nước giảm gánh nặng, tập trung hơn vào công tác quản lý vĩ mô, giảm biên chế, tổ chức bộ máy; đồng thời, tạo điều kiện cho khu vực tư nhân có cơ hội đầu tư và cạnh tranh phát triển, cũng như cá nhân, tổ chức sẽ được cung cấp dịch vụ rẻ hơn, chất lượng tốt hơn. Theo đó, dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung quy định thực hiện kiểm kê khí nhà kính đối với các cơ sở được phân bổ hạn ngạch để tham gia thị trường các-bon, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon. Tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh cấp tỉnh thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cho các cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính. Tuy nhiên, kết quả kiểm kê khí nhà kính của các cơ sở được phân bổ hạn ngạch (để tham gia thị trường các-bon) yêu cầu phải bảo đảm độ chính xác, minh bạch, nên cần có đơn vị thẩm định độc lập thực hiện; đồng thời, giảm gánh nặng công việc, biên chế cho cơ quan nhà nước, bảo đảm việc thực hiện hiệu quả hơn. Hơn nữa, kiểm kê khí nhà kính còn có việc kiểm kê cấp lĩnh vực, cấp quốc gia của các cơ quan nhà nước. Đây cũng chính là kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới đã thực hiện thành công nội dung này.

Dự thảo Nghị định cũng sửa đổi, bổ sung quy định về đơn vị thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính phục vụ phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính để tạo tín chỉ các-bon. Thực hiện Luật Đầu

tư, Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đơn vị thẩm định thực hiện đánh giá sự phù hợp của kết quả kiểm kê khí nhà kính của các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các tổ chức tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp theo danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư, Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật). Về năng lực, dự thảo Nghị định cũng bổ sung quy định cụ thể hơn theo hướng đơn vị thẩm định là tổ chức có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc tế ISO 14064-3, có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14065 để đảm bảo thống nhất với các quy định liên quan đến ngành nghề đăng ký kinh doanh hiện hành.

đ) Đẩy mạnh số hóa, tái sử dụng dữ liệu và tăng cường thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của cơ quan nhà nước, dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung quy định theo hướng gắn số hóa, tái sử dụng dữ liệu và tái cấu trúc quy trình để thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình ngay trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Việc thực hiện này cũng phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong quản lý và hoạt động của Việt Nam như: Thực tế đã có nhiều giao dịch tín chỉ các-bon thông qua hình thức thỏa thuận hợp đồng hoặc bán lại trên sàn giao dịch tự nguyện quốc tế, nhưng chưa thực hiện các yêu cầu về báo cáo quy định của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP. Theo đó, các thủ tục: thủ tục xác nhận tín chỉ các-bon được phép giao dịch (Sửa đổi khoản 2 Điều 18); thủ tục đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia (Bổ sung khoản 5 Điều 18); chấp thuận, chuyển đổi dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (khoản 12 Điều 20) sẽ được thực hiện trực tuyến toàn trình trên Hệ thống đăng ký quốc gia. Hầu hết các thủ tục hành chính còn lại sẽ được thực hiện theo hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc một phần.

e) Đảm bảo triển khai hiệu quả Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu

Dự thảo Nghị định đã rà soát các quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và các yêu cầu, quy định tại Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Nghị định số 06/2022/ND-CP nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Công ước, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế như: Bổ sung quy định về chấp thuận, chuyển đổi dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon đối với cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, điều ước và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (khoản 12 Điều 20); Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế (khoản 15 Điều 20).

2. Chi phí

Dự thảo Nghị định đã bổ sung một số quy định mới xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và tiến trình đàm phán triển khai thực hiện Điều 6 Thỏa thuận Paris như các quy định, thủ tục liên quan đến cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon song phương theo Điều 6.2 của Thỏa thuận Paris (điểm b khoản 1, điểm a khoản 7 và khoản 8, 9, 10, 11 Điều 20)); Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế (khoản 15 Điều 20)... có làm phát sinh thêm chi phí thực hiện thủ tục hành chính, tuy nhiên đây là chi phí hợp lý và cần thiết để đảm bảo việc thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu được hiệu quả, minh bạch, giúp kiểm soát được khai thác, sử dụng và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của quốc gia, lĩnh vực, cơ sở để có giải pháp quản lý phù hợp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, cũng giúp các cá nhân, tổ chức có "sân chơi" bình đẳng, công khai, minh bạch, được quốc tế công nhận.

3. Đánh giá chung

Các quy định thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định đã được rà soát, đánh giá đảm bảo cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, công khai, minh bạch, tăng cường xã hội hóa, tái cấu trúc quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, từ đó giúp giảm chi phí, thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Một số quy định được bổ sung là cần thiết nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Theo đó, về cơ bản, các quy định thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định đã được rà soát, đánh giá kỹ lưỡng, bảo đảm hiệu quả, cắt giảm tối đa chi phí, thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp nhưng vẫn thực hiện có hiệu lực, hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật liên quan, cũng như thực hiện các quy định, yêu cầu của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (Đánh giá chi tiết của từng thủ tục hành chính kèm theo).

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Quá trình sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện rà soát, đánh giá tác động và lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan, cũng như tham khảo kinh nghiệm quốc tế theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính. Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục hoàn thiện các quy định này trong quá trình tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; ý kiến của các Thành viên Chính phủ để bảo đảm các quy định thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định đáp ứng yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính, giúp thực thi tốt pháp luật về bảo vệ môi trường, cũng như các quy định, yêu cầu của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

Trên đây là nội dung cơ bản về báo cáo đánh giá tác động thủ tục hànhc hính của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

Tên dự án, dự thảo văn bản: Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô dôn

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Thủ tục thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở vừa đóng vai trò đảm bảo việc thực thi trách nhiệm giảm phát thải khí nhà kính cũng như có thể trở thành căn cứ để các cơ sở thực hiện xác nhận các nỗ lực giảm nhẹ phát thải khí nhà kính để tham gia thị trường các-bon khi có điều kiện phù hợp. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Hiện nay, các tổ chức, doanh nghiệp đều mong muốn xác nhận kết quả giảm phát thải khí nhà kính của mình để có thể tham gia vào các cơ chế trao đổi, bù trừ các-bon trong nước và quốc tế. Vì vậy, cần có một quy trình cụ thể làm căn cứ đánh giá mức độ chính xác các kết quả giảm phát thải đã công bố của tổ chức, doanh nghiệp. Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền cấp cơ sở; phù hợp với năng lực của cơ quan chuyên môn, UBND cấp tỉnh; giảm thời gian, chi phí đi lại thực hiện TTHC của cá nhân, tổ chức.
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:

	Là cơ sở cho phép các tổ chức, cá nhân có quyền được thỏa thuận mua bán tín chỉ các bon với các đối tác quốc tế. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Đảm bảo sự chính xác của các kết quả giảm phát thải của cơ sở đã công bố.
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Đảm bảo sự chính xác của các kết quả giảm phát thải của cơ sở đã công bố. b) Nêu rõ điều, khoản quy dinh thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Khoản 4 Điều 10
4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	Có □ Không x Nếu Có, nêu rõ biện pháp: …… Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do: Nếu Không, nêu rõ lý do: Thực hiện dựa trên kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Thẩm quyền quy định tại Điều 91 Luật Bảo vệ môi trường
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có □ Không x - Với văn bản của cơ quan khác: Có □ Không x - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có □ Không x
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở
2. Trình tự thực hiện	

a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Quy định rõ các nội dung thực hiện thẩm định theo quy trình
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Quy định rõ trách nhiệm các tổ chức, cá nhân; cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Quy định liên thông giữa các cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với Bộ Tài nguyên và Môi trường.
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☒ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: Quy định chi tiết tại Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường Lý do quy định: Đảm bảo các kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở đã công bố là chính xác với thực tế thực hiện. - Các biện pháp có thể thay thế: Có □ Không □ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ….....
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp x Bưu chính x Điện tử x b) Nhận kết quả: Trực tiếp x Bưu chính x Điện tử x	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có x Không □ Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ cách thức và thời gian thực hiện - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có x Không □ Nêu rõ lý do: Phù hợp với từng hình thức tiếp nhận và việc thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	

a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở được quy định chi tiết Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	- Nêu rõ lý do quy định: Quy định rõ hồ sơ để cung cấp thông tin xem xét, giải quyết TTHC, cũng như công khai, minh bạch thực hiện - Yêu cầu về hình thức: Bản chính Lý do quy định: Đơn do tổ chức lập.
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục III	- Nêu rõ lý do quy định: Quy định rõ hồ sơ để cung cấp thông tin xem xét, giải quyết TTHC, cũng như công khai, minh bạch thực hiện - Yêu cầu về hình thức: Bản chính Lý do quy định: báo cáo và tài liệu do tổ chứclập.
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có □ Không x Nêu rõ: ……....
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): …….....
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☐ Không ☒ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:…… Lý do không quy định: Việc triển khai hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là rất đa dạng về số lượng, chủng loại do đó lượng thông tin phải thẩm định sẽ biến động rất lớn, khó đưa ra giới hạn thời gian phù hợp để thực hiện đánh giá.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có □ Không □ Lý do quy định: ……
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	Tổ chức: Trong nước x Nước ngoài □ Mô tả rõ: Cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Lý do quy định: Phù hợp yêu cầu quản lý nhà nước đã quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020

	- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Các đơn vị thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được công nhận theo các cơ chế quốc tế có thể thực hiện được việc này.
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng □ Địa phương □ - Nông thôn □ Đô thị □ Miền núi □ - Biên giới, hải đảo □ - Lý do quy định: ……..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có □ Không x Nêu rõ lý do: Đã quy định toàn quốc.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: Theo khả năng của từng cơ sở cụ thể.	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do quy định: Quy định việc thực hiện do Cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Theo chức năng quản lý nhà nước tại địa phương.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không x Có □ Nếu có, nêu rõ lý do: …… - Phí: Không x Có □ Nếu Có nêu rõ lý do: .....…… - Chi phí khác: Không x Có □ Nếu Có, nêu rõ lý do: ……. - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): ……..

	+ Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): …… + Mức chi phí khác: …….. + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có □ Không □ Lý do: …… - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: .....
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có □ Không □ Nội dung quy định: ……..... Lý do quy định: …….....
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có x Không □ Lý do: Thuận lợi trong việc hoàn thiện hồ sơ TTHC.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: …….....	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính + Nội dung thông tin 1: Thông tin định danh cá nhân, tổ chức. Lý do quy định: Phục vụ cung cấp thông tin đối tượng thực hiện + Nội dung thông tin: Thông tin báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính Lý do quy định: Cung cấp thông tin để xem xét giải quyết TTHC. - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☒ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Xác nhận tiếp nhận hồ sơ để bắt đầu thực hiện TTHC Lý do quy định: Xác định thời gian bắt đầu thực hiện TTHC
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có □ Không x□

	Lý do quy định: …….....
a) Yêu cầu, điều kiện 1:	- Lý do quy định: ……. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không □ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: …… + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không □ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): ……..
b) Yêu cầu, điều kiện:	- Lý do quy định: ……. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không □ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: …… + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không □ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): ……...
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép □ - Giấy chứng nhận □ - Giấy đăng ký □ - Chứng chỉ □ - Thẻ □ - Quyết định hành chính □ - Văn bản xác nhận/chấp thuận □ - Loại khác: ☒ Đề nghị nêu rõ: Báo cáo thẩm định Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy và bản số
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có □ Không x□ Lý do: Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ quy định ở Thông tư.
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có □ Không x□ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: ……. tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ quy định ở Thông tư.

d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc x□ Địa phương □ Lý do:
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Bộ Tài nguyên và Môi trường	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tên TTHC 1: Thủ tục thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

STT	Công việc khi thực hiện TTHC	Hoạt động/cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Mức TNBQ/01 giờ làm việc	Mức chi phí thuê tư vấn	Mức phí, lệ phí	Số lần thực hiện/1 năm	Số đối tượng thực hiện/1 năm	Chi phí thực hiện TTHC	Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm
1	**Chuẩn bị hồ sơ**									
	Đơn đề nghị	Điền	2	24000	0	0	1	1	48000	48000
	Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở	XD BC	15	24000	0	0	1	1	360000	360000
	Lượng kết quả	Điền	2	24000	0	0	1	1	48000	48000
2	**Nộp hồ sơ**									
	Trực tiếp		4	24000	0	0	1	1	96000	96000
	Trực tuyến		0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
3	**Nhận kết quả**									
	Trực tiếp		4	24000	0	0	1	1	96000	96000
	Trực tuyến		0,1	24000	0	0	1	1	2400	2400

	Tổng số								**662400**	**662400**

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Thủ tục xác nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Bổ sung khoản 4a Điều 11, khoản 6a Điều 11, cụ thể như sau: Luật Bảo vệ môi trường quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, tổ chức thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê KNK và kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK của cơ sở (điểm c khoản 4 Điều 91). Nghị định 06/2022/NĐ-CP chưa quy định chi tiết về việc thẩm định kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK, do đó đề xuất bổ sung quy định thẩm định kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK cùng với việc thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính lần đầu. Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định thẩm định giảm nhẹ phát thải KNK do đơn vị thẩm định độc lập thực hiện. Tuy nhiên, việc thẩm định giảm nhẹ phát thải KNK do đơn vị thẩm định độc lập thực hiện chỉ cần thiết khi phục vụ việc cấp tín chỉ các-bon theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon. Do đó, để thống nhất cơ quan, tổ chức thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê KNK, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải KNK cấp cơ sở, đề xuất quy định: i) Cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê KNK của các cơ sở không được phân bổ hạn ngạch phát thải KNK và thẩm định kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK, kết quả giảm nhẹ phát thải KNK cấp cơ sở; ii) Đơn vị thẩm định độc lập thẩm định kết quả kiểm kê KNK của các cơ sở được phân bổ hạn ngạch, thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải KNK của các dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon. Các cơ sở được phân bổ hạn ngạch cần có xác nhận của Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi được phép trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính trên Sàn giao dịch các-bon theo lộ trình quy định. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Làm cơ sở để quản lý lượng hạn ngạch được cấp và lượng hạn ngạch dự thừa hoặc còn thiếu cần giao dịch để tuân thủ khi các cơ sở tham gia Sàn giao dịch các-bon.
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Quyền được tham gia trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính trên Sàn giao dịch các-bon. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Đảm bảo sự chính xác trong tuân thủ quy định về hạn ngạch phát thải khí nhà kính của cơ sở.
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Kiểm soát lượng hạn ngạch được cấp và lượng hạn ngạch dự thừa hoặc còn thiếu cần giao dịch. b) Nêu rõ điều, khoản quy dinh thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Điều 12

hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	
4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	Có □ Không x Nếu Có, nêu rõ biện pháp: …….. Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do: ……..... Nếu Không, nêu rõ lý do: Đây là nội dung quy định đặc thù được xây dựng phù hợp với thông lệ quốc tế.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Thẩm quyền quy định tại Điều 91 Luật Bảo vệ môi trường
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có □ Không x - Với văn bản của cơ quan khác: Có □ Không x - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có □ Không x
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Văn bản xác nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ quy định trong Thông tư hướng dẫn
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Quy định rõ trách nhiệm các tổ chức, cá nhân; Bộ Tài nguyên và Môi trường.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có □ Không ☒ Nêu rõ lý do:

d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có □ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: ……..... Lý do quy định: …… - Các biện pháp có thể thay thế: Có □ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ….....
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp x Bưu chính x Điện tử x b) Nhận kết quả: Trực tiếp x Bưu chính x Điện tử x	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không □ Nêu rõ lý do: Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cách thức và thời gian thực hiện trong Thông tư hướng dẫn - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không □ Nêu rõ lý do: Phù hợp với từng hình thức tiếp nhận và việc thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đối với việc cấp giấy xác nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch	- Nêu rõ lý do quy định: Quy định rõ hồ sơ để cung cấp thông tin xem xét, giải quyết TTHC, cũng như công khai, minh bạch thực hiện - Yêu cầu về hình thức: Bản chính Lý do quy định: Đơn do tổ chức lập.
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Báo cáo thẩm định của đơn vị thẩm định độc lập quy định tại Điều 14 về kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch	- Nêu rõ lý do quy định: Quy định rõ hồ sơ để cung cấp thông tin xem xét, giải quyết TTHC, cũng như công khai, minh bạch thực hiện - Yêu cầu về hình thức: Bản sao công chứng Lý do quy định: báo cáo và tài liệu do tổ chức lập.
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Báo cáo kiểm kê kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch sau thẩm định của đơn vị thẩm định độc lập	- Nêu rõ lý do quy định: Quy định rõ hồ sơ để cung cấp thông tin xem xét, giải quyết TTHC, cũng như công khai, minh bạch thực hiện - Yêu cầu về hình thức: Bản chính Lý do quy định: báo cáo và tài liệu do tổ chức lập.
d) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều	Có □ Không x Nêu rõ: ……..

kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	
đ) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): …….....
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có x Không □ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cách thức và thời gian thực hiện trong Thông tư hướng dẫn Lý do quy định: Bảo đảm thời hạn để tiếp nhận, xem xét, đánh giá và xử lý hồ sơ theo tình hình thực tế tuân thủ.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có □ Không □ Lý do quy định: ……
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	Tổ chức: Trong nước x Nước ngoài □ Mô tả rõ: Bộ Tài nguyên và Môi trường; Lý do quy định: Phù hợp thẩm quyền quản lý nhà nước được giao liên quan đến quản lý hạn ngạch phát thải khí nhà kính - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có □ Không x Nêu rõ lý do: Đảm bảo nguyên tắc tập trung quản lý nhà nước đối với các cơ sở được phân bổ hạn ngạch
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc x Vùng □ Địa phương □ - Nông thôn □ Đô thị □ Miền núi □ - Biên giới, hải đảo □ - Lý do quy định: - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có □ Không x Nêu rõ lý do: Đã quy định toàn quốc.

Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: Theo số lượng cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính.	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có x Không □ - Lý do quy định: Bộ Tài nguyên và Môi trường vì là cơ quan đầu mối tổ chức thực hiện cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Nghị định thư Kyoto; có trách nhiệm chủ trì định kỳ cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định theo Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, đầu mối
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có □ Không x Nêu rõ lý do: Theo quy định và kinh nghiệm quốc tế.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không x Có □ Nếu có, nêu rõ lý do: - Phí: Không x Có □ Nếu Có nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không x Có □ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (*nếu được quy định tại dự án, dự thảo*): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có □ Không □ Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có □ Không □ Nội dung quy định: Lý do quy định: .
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có x Không □ Lý do: Thuận lợi trong việc hoàn thiện hồ sơ TTHC.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: …….....	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị xác nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch

	+ Nội dung thông tin 1: Thông tin định danh cá nhân, tổ chức. Lý do quy định: Phục vụ cung cấp thông tin đối tượng thực hiện + Nội dung thông tin: Thông tin đề nghị cấp giấy xác nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch Lý do quy định: Cung cấp thông tin để xem xét giải quyết TTHC. - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □ Không x Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ □ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không □ Lý do quy định: Chỉ thực hiện khí đơn vị đã có báo cáo thẩm định của đơn vị thẩm định độc lập và đã hoàn thiện báo cáo kiểm kê khí nhà kính sau thẩm định
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Báo cáo thẩm định của đơn vị thẩm định độc lập quy định tại Điều 14 về kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch	- Lý do quy định: Làm cơ sở để xác định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch đã được thẩm định theo đúng quy định - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không □ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch phải được thẩm định của đơn vị thẩm định độc lập theo quy định và hoàn thiện theo ý kiến thẩm định của đơn vị thẩm định độc lập.
b) Yêu cầu, điều kiện:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không □ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không □ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép □ - Giấy chứng nhận □ - Giấy đăng ký □

	- Chứng chỉ □ - Thẻ □ - Quyết định hành chính □ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☒ - Loại khác: ☒ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản số
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có □ Không x□ Lý do: Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ quy định ở Thông tư.
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có □ Không x□ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: ……. tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ quy định ở Thông tư.
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc x□ Địa phương □ Lý do:
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Bộ Tài nguyên và Môi trường	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tên TTHC 2: Thủ tục xác nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch

STT	Công việc khi thực hiện TTHC	Hoạt động/cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Mức TNBQ/01 giờ làm việc	Mức chi phí thuê tư vấn	Mức phí, lệ phí	Số lần thực hiện/1 năm	Số đối tượng thực hiện/1 năm	Chi phí thực hiện TTHC	Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm
1	**Chuẩn bị hồ sơ**									
	Đơn đề nghị	Điền	2	24000	0	0	1	1	48000	48000
	Báo cáo thẩm định của đơn vị thẩm định độc lập	XD BC			75000000	0	1	1	75000000	75000000
	Báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở sau thẩm định	XD BC	15	24000	0	0	1	1	360000	360000
	Lượng kết quả	Điền	2	24000	0	0	1	1	48000	48000
2	**Nộp hồ sơ**									
	Trực tiếp		4	24000	0	0	1	1	96000	96000
	Trực tuyến		0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
3	**Nhận kết quả**									
	Trực tiếp		4	24000	0	0	1	1	96000	96000
	Trực tuyến		0,1	24000	0	0	1	1	2400	2400
	Tổng số								**75662400**	**75662400**

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3: Thủ tục thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở cho các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Trong thời gian qua, các địa phương đã đề xuất thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở là một thủ tục hành chính để có cơ sở thực hiện. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Đảm bảm chức năng quản lý nhà nước được giao trong việc quản lý hoạt động của các cơ sở phát thải khí nhà kính tại địa phương
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Thực hiện trách nhiệm quản lý tại địa phương đối với các cơ sở phát thải khí nhà kính. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Đảm bảo thực hiện trách nhiệm quản lý của cơ quan thẩm quyền địa phương đối với các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính.
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Chuẩn hóa quy trình thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở đối với các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính. b) Nêu rõ điều, khoản quy dinh thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Khoản 6 Điều 11
4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	Có □ Không x Nếu Có, nêu rõ biện pháp: …… Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do: ……..... Nếu Không, nêu rõ lý do: Thực hiện theo quy trình trong nước do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	

1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Thẩm quyền quy định tại Điều 91 Luật Bảo vệ môi trường
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có □ Không x - Với văn bản của cơ quan khác: Có □ Không x - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có □ Không x
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Văn bản công nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Đã quy định tại Khoản 6 Điều 11
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Quy định rõ trách nhiệm các tổ chức, cá nhân; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan chuyên môn trực thuộc.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Quy định liên thông giữa các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có □ Không x Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: ……..... Lý do quy định: ……..... - Các biện pháp có thể thay thế: Có □ Không □ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: …....
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp x Bưu chính x Điện tử x b) Nhận kết quả: Trực tiếp x	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có x Không □ Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ cách thức và thời gian thực hiện - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có x Không □ Nêu rõ lý do: Phù hợp với từng hình thức tiếp nhận và việc thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

Bưu chính x Điện tử x	
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị thẩm định	- Nêu rõ lý do quy định: Quy định rõ hồ sơ để cung cấp thông tin xem xét, giải quyết TTHC, cũng như công khai, minh bạch thực hiện - Yêu cầu về hình thức: Bản chính Lý do quy định: Đơn do tổ chức lập.
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính	- Nêu rõ lý do quy định: Quy định rõ hồ sơ để cung cấp thông tin xem xét, giải quyết TTHC, cũng như công khai, minh bạch thực hiện - Yêu cầu về hình thức: Bản chính Lý do quy định: báo cáo và tài liệu do tổ chứclập.
c) Tên thành phần hồ sơ 2: Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	- Nêu rõ lý do quy định: Quy định rõ hồ sơ để cung cấp thông tin xem xét, giải quyết TTHC, cũng như công khai, minh bạch thực hiện - Yêu cầu về hình thức: Bản chính Lý do quy định: báo cáo và tài liệu do tổ chứclập.
d) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có □ Không x Nêu rõ: ……..
đ) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ	Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* …….....
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có x Không □ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: a) Cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính nộp hồ sơ đề nghị thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thẩm định. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm có: 01 đơn đề nghị thẩm định; 01 báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính; 01 kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo gửi cơ sở để bổ sung, hoàn thiện;

	c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở theo hình thức hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến cơ quan có liên quan; d) Các thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm đánh giá kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở trên cơ sở sự đầy đủ về nội dung, thông tin, dữ liệu kiểm kê khí nhà kính; sự phù hợp về việc xác định các nguồn phát thải, bể hấp thụ khí nhà kính, phương pháp kiểm kê khí nhà kính, hệ số phát thải áp dụng, phương pháp kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và hệ thống thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính của cơ sở; đánh giá sự chính xác và độ tin cậy của kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở; mức phát thải khí nhà kính dự kiến trong kỳ kế hoạch khi không áp dụng công nghệ, biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đến từng năm thực hiện cho giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030; các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được lựa chọn phù hợp với tình hình thực tế, trình độ công nghệ, nguồn lực thực hiện của cơ sở; phương án theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản công nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở. Trường hợp kết quả thẩm định có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi cơ sở để hoàn thiện. Trường hợp kết quả thẩm định trong thời hạn 20 ngày làm việc, cơ sở có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. e) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực rà soát báo cáo đã được chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của văn bản thông báo kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản công nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản không công nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở và nêu rõ lý do. Lý do quy định: Bảo đảm thời hạn để tiếp nhận, xem xét, đánh giá và xử lý hồ sơ.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có □ Không □ Lý do quy định: ……
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	Tổ chức: Trong nước x Nước ngoài □ Mô tả rõ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

	Lý do quy định: Theo thẩm quyền quản lý nhà nước tại địa phương quy định tại Điều 91 Luật Bảo vệ môi trường 2020 - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có □ Không x Nêu rõ lý do: Theo thẩm quyền quản lý tại địa phương
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc x Vùng □ Địa phương □ - Nông thôn □ Đô thị □ Miền núi □ - Biên giới, hải đảo □ - Lý do quy định: ……..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có □ Không x Nêu rõ lý do: Đã quy định toàn quốc.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: Theo danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có x Không □ - Lý do quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có □ Không x Nêu rõ lý do: Theo chức năng quản lý tại địa phương.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không x Có □ Nếu có, nêu rõ lý do: …… - Phí: Không x Có □ Nếu Có nêu rõ lý do: .....…… - Chi phí khác: Không x Có □ Nếu Có, nêu rõ lý do: …….. - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (*nếu được quy định tại dự án, dự thảo*): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): ……... + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): …… + Mức chi phí khác: …… + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có □ Không □ Lý do: ……

	- Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: .....
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có □ Không □ Nội dung quy định: …….. Lý do quy định: ……
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có x Không □ Lý do: Thuận lợi trong việc hoàn thiện hồ sơ TTHC.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: …….....	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp Thư chấp thuận + Nội dung thông tin 1: Thông tin định danh cá nhân, tổ chức. Lý do quy định: Phục vụ cung cấp thông tin đối tượng thực hiện + Nội dung thông tin: Thông tin đề nghị thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở cho các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính Lý do quy định: Cung cấp thông tin để xem xét giải quyết TTHC. - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☒ Không □ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Thời gian tiếp nhận hồ sơ, thời gian xử lý và hẹn lịch nhận kết quả. Lý do quy định: Làm căn cứ để theo dõi tình hình giải quyết TTHC
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ □ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có □ Không x□ Lý do quy định: …….....
a) Yêu cầu, điều kiện 1:	- Lý do quy định: …….. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không □ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: …… + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không □ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): ……
b) Yêu cầu, điều kiện: …….... ……	- Lý do quy định: …….. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không □ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ……

	+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không □ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): ……..
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép □ - Giấy chứng nhận □ - Giấy đăng ký □ - Chứng chỉ □ - Thẻ □ - Quyết định hành chính □ - Văn bản xác nhận/chấp thuận □ - Loại khác: x□ Đề nghị nêu rõ: Văn bản công nhận kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có □ Không x□ Lý do: Đã quy định trong Nghị định.
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có □ Không x□ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: ……. tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: chỉ áp dụng cho năm cụ thể đối với báo cáo kiểm kê khí nhà kính và cho một giai đoạn cụ thể đối với kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính.
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc x□ Địa phương □ Lý do:
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Bộ Tài nguyên và Môi trường	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tên TTHC 3: Thủ tục thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở cho các cơ sở chưa được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính

STT	Công việc khi thực hiện TTHC	Hoạt động/cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Mức TNBQ/01 giờ làm việc	Mức chi phí thuê tư vấn	Mức phí, lệ phí	Số lần thực hiện/1 năm	Số đối tượng thực hiện/1 năm	Chi phí thực hiện TTHC	Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm
1	**Chuẩn bị hồ sơ**									
	Đơn đề nghị	Điền	2	24000	0	0	1	1	48000	48000
	Báo cáo kiểm kê khí nhà kính	XD BC	24	24000	0	0	1	1	576000	576000
	Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	XD BC	24	24000	0	0	1	1	576000	576000
	Lượng kết quả	Điền	2	24000	0	0	1	1	48000	48000
2	**Nộp hồ sơ**									
	Trực tiếp		4	24000	0	0	1	1	96000	96000
	Trực tuyến		0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
3	**Nhận kết quả**									
	Trực tiếp		4	24000	0	0	1	1	96000	96000
	Trực tuyến		0,1	24000	0	0	1	1	2400	2400
	Tổng số								**1454400**	**1454400**

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 4: Thủ tục đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)*	- Luật Bảo vệ môi trường - Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu - Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô dôn
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)*	
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử x□ b) Nhận kết quả: Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử x□	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Về cơ bản kế thừa các quy định về định danh và xác thực điện tử để bảo đảm việc quản lý, vận hành Hệ thống đăng ký quốc gia đơn giản, minh bạch, an toàn an ninh thông tin. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Thực hiện trực tuyến toàn trình.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tên TTHC 4: Thủ tục đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia

STT	Công việc khi thực hiện TTHC	Hoạt động/cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Mức TNBQ/01 giờ làm việc	Mức chi phí thuê tư vấn	Mức phí, lệ phí	Số lần thực hiện/1 năm	Số đối tượng thực hiện/1 năm	Chi phí thực hiện TTHC	Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm
1	**Chuẩn bị hồ sơ**									
	Đơn đề nghị	Điền	1	24000	0	0	1	1	24000	24000
2	**Nộp hồ sơ**									
	Trực tuyến		0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
3	**Nhận kết quả**									
	Trực tuyến		0,1	24000	0	0	1	1	2400	2400
	Tổng số								**38400**	**38400**

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 5: Đăng ký phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)*	- Luật Bảo vệ môi trường - Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu - Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô dôn
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)*	
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau: 8. Đăng ký phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài a) Tổ chức nộp hồ sơ đề xuất đăng ký phương pháp luận tới cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ bao gồm: Mẫu đề xuất phương pháp luận, Biểu mẫu tính phương pháp luận đề xuất, dự thảo Tài liệu thiết kế dự án dự kiến áp dụng phương pháp luận đề xuất; b) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất đăng ký phương pháp luận, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thông báo cho tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo; c) Đối với hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế đăng tải hồ sơ đề xuất đăng ký phương pháp luận và lấy ý kiến rộng rãi trên trang thông tin điện tử trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ; d) Trong thời hạn 07 ngày kể từ khi kết thúc lấy ý kiến, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế gửi thông báo tới tổ chức đề

	xuất để yêu cầu giải trình hoặc bổ sung thông tin cần thiết; đ) Trong thời hạn 60 ngày kể từ khi kết thúc lấy ý kiến, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan về hồ sơ đề xuất đăng ký phương pháp luận. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản. e) Trong thời hạn 05 ngày sau khi nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc đăng ký phương pháp pháp luận và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức đề xuất; trong trường hợp không được đăng ký thì phải nêu rõ lý do. g) Tổ chức có nhu cầu điều chỉnh phương pháp luận đã được đăng ký tiến hành thủ tục theo trình tự quy định tại điểm a, b, d của khoản này.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định phân định rõ trách nhiệm thực hiện của các cá nhân, tổ chức và cơ quan giải quyết TTHC khi thực hiện TTHC.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có □ Không □ Nêu rõ lý do:
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có □ Không x□ Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: Lý do quy định:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử x□	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định cụ thể cách thức thực hiện qua hình thức trực tuyến thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến

b) Nhận kết quả: Trực tiếp x□ Bưu chính x□ Điện tử x□	- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức thực hiện phù hợp.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
Tên thành phần hồ sơ: Đề xuất đăng ký phương pháp luận	- Nêu rõ lý do quy định: Công khai, minh bạch thành phần hồ sơ cần cung cấp để cơ quan nhà nước có đủ thông tin thẩm định; đồng thời, quy định thành phần hồ sơ phù hợp với đối tượng nộp thủ tục hành chính, cũng như đối với từng cách thức thực hiện thủ tục hành chính. - Hồ sơ bao gồm: Mẫu đề xuất phương pháp luận, Biểu mẫu tính phương pháp luận đề xuất, dự thảo Tài liệu thiết kế dự án dự kiến áp dụng phương pháp luận đề xuất. - Yêu cầu về hình thức: Bản điện tử Lý do quy định: Phù hợp với cách thức thực hiện thủ tục hành chính (nộp trực tuyến).

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tên TTHC 5: Đăng ký phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài

STT	Công việc khi thực hiện TTHC	Hoạt động/cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Mức TNBQ/01 giờ làm việc	Mức chi phí thuê tư vấn	Mức phí, lệ phí	Số lần thực hiện/1 năm	Số đối tượng thực hiện/1 năm	Chi phí thực hiện TTHC	Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm
1	**Chuẩn bị hồ sơ**									
	Mẫu đề xuất PPL	Sao chụp	0.5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Biểu mẫu tính PPL	Sao chụp	0.5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Dự thảo Tài liệu thiết kế DA	Sao chụp	0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Lượng kết quả	Sao chụp	0.5	24000	0	0	1	1	12000	12000
2	**Nộp hồ sơ**									
	Trực tuyến		0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
3	**Nhận kết quả**									
	Trực tuyến		0,1	24000	0	0	1	1	2400	2400
	Tổng số								**624000**	**62400**

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 6: Đăng ký ý tưởng dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)*	- Luật Bảo vệ môi trường - Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu - Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô dôn
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)*	
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau: a) Tổ chức nộp hồ sơ đề xuất đăng ký ý tưởng dự án tới cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ bao gồm: Tài liệu đề xuất ý tưởng dự án, Tài liệu đề xuất phương pháp luận dự kiến áp dụng cho dự án; Đề xuất tỉ lệ phân bổ tín chỉ kèm hồ sơ chứng minh đóng góp tài chính của các bên tham gia dự án; Biên bản cuộc họp tham vấn với các Bộ quản lý lĩnh vực; b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất đăng ký ý tưởng dự án, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thông báo cho tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo; c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan về hồ sơ đăng ký ý tưởng dự án. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản; d) Trong thời hạn không 05 ngày sau khi nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan

	chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc đăng ký ý tưởng dự án và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức đề nghị; trong trường hợp không được đăng ký thì phải nêu rõ lý do. đ) Tổ chức có nhu cầu điều chỉnh ý tưởng dự án đã được đăng ký tiến hành thủ tục theo trình tự quy định tại điểm a, b của khoản này.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định phân định rõ trách nhiệm thực hiện của các cá nhân, tổ chức và cơ quan giải quyết TTHC khi thực hiện TTHC.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có □ Không □ Nêu rõ lý do: …….…….....
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có □ Không x□ Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: ……. Lý do quy định: ……
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử x□ b) Nhận kết quả: Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử x□	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định cụ thể cách thức thực hiện qua hình thức trực tuyến thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức thực hiện phù hợp.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
Tên thành phần hồ sơ: tài liệu ý tưởng dự án	- Nêu rõ lý do quy định: Công khai, minh bạch thành phần hồ sơ cần cung cấp để cơ quan nhà nước có đủ thông tin thẩm định; đồng thời, quy định thành phần hồ sơ phù hợp với đối tượng nộp thủ tục hành chính, cũng như đối với từng cách thức thực hiện thủ tục hành chính. - Hồ sơ bao gồm: Tài liệu đề xuất ý tưởng dự án, Tài liệu đề xuất phương pháp luận dự kiến áp dụng cho dự án; Đề xuất tỉ lệ phân bổ tín chỉ kèm hồ sơ chứng minh đóng góp tài chính của các bên tham gia dự án; Biên bản cuộc họp tham vấn với các Bộ quản lý lĩnh vực; - Yêu cầu về hình thức: Bản điện tử Lý do quy định: Phù hợp với cách thức thực hiện thủ tục hành chính (nộp trực tuyến).

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tên TTHC 6: Đăng ký ý tưởng dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài

STT	Công việc khi thực hiện TTHC	Hoạt động/cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Mức TNBQ/01 giờ làm việc	Mức chi phí thuê tư vấn	Mức phí, lệ phí	Số lần thực hiện/1 năm	Số đối tượng thực hiện/1 năm	Chi phí thực hiện TTHC	Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm
1	**Chuẩn bị hồ sơ**									
	Tài liệu đề xuất ý tưởng dự án	Sao chụp	0.5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Tài liệu đề xuất phương pháp luận dự kiến	Sao chụp	0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Đề xuất tỷ lệ phân bổ tín chỉ	Sao chụp	0,1	24000	0	0	1	1	2400	2400
	Hồ sơ chứng minh đóng góp tài chính	Sao chụp	0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Biên bản cuộc họp tham vấn với các Bộ quản lý lĩnh vực	Sao chụp	0,2	24000	0	0	1	1	4800	4800
2	**Nộp hồ sơ**									
	Trực tuyến		0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
3	**Nhận kết quả**									
	Trực tuyến		0,1	24000	0	0	1	1	2400	2400
	Tổng số								**57600**	**57600**

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 7: Đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)*	- Luật Bảo vệ môi trường - Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu - Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô dôn
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)*	
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau: a) Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị đăng ký dự án tới cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ bao gồm: Tài liệu thiết kế dự án kèm Kế hoạch giám sát dự án; Báo cáo thẩm định tài liệu thiết kế dự án của đơn vị thẩm định quy định tại Điều 14, Tài liệu ý tưởng dự án được phê duyệt; Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững; Phương thức liên lạc; Đề xuất tỉ lệ phân bổ tín chỉ kèm hồ sơ chứng minh đóng góp tài chính của các bên tham gia dự án; Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực các loại giấy phép liên quan đến hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định hiện hành; b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký dự án, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thông báo cho tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo; c) Đối với hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế đăng tải hồ sơ đề xuất đăng ký dự án và lấy ý kiến rộng rãi trên trang thông tin điện tử trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ; d) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày kết thúc lấy ý kiến rộng rãi, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế tổng hợp và gửi ý kiến cho tổ chức đề xuất; đ) Tổ chức đề xuất yêu cầu đơn vị thẩm định tiến hành thẩm định hồ sơ đề xuất đăng ký dự án theo hướng dẫn

	của cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế. Hoạt động thẩm định có thể thực hiện vào thời điểm trước, trong hoặc sau khi lấy ý kiến rộng rãi; e) Sau khi có kết quả thẩm định đạt yêu cầu, tổ chức đề xuất bổ sung báo cáo thẩm định dự án cho cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế kèm theo hồ sơ đề xuất đăng ký dự án theo quy định tại điểm a khoản này nếu có chỉnh sửa; g) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thông báo cho tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo; h) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan liên quan về hồ sơ đề xuất đăng ký dự án. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản; i) Trong thời hạn 05 ngày sau khi nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc đăng ký dự án và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức đề xuất; trong trường hợp không được đăng ký thì phải nêu rõ lý do. k) Tổ chức có nhu cầu điều chỉnh dự án đã được đăng ký tiến hành thủ tục theo trình tự quy định tại điểm a, b, đ, e, g của khoản này. l) Đối với các dự án đã được đăng ký, các tổ chức tham gia dự án được phép nộp đơn đề nghị rút đăng ký hoặc rút tham gia dự án qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế; m) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc rút đăng ký hoặc rút tham gia dự án và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức đề nghị; n) Tổ chức tham gia dự án phải hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết và chịu trách nhiệm với các bên liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành do quyết định rút đăng ký hoặc rút tham gia dự án.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định phân định rõ trách nhiệm thực hiện của các cá nhân, tổ chức và cơ quan giải quyết TTHC khi thực hiện TTHC.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có □ Không □ Nêu rõ lý do: ……

d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có □ Không x□ Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: …… Lý do quy định: ……
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử x□ b) Nhận kết quả: Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử x□	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định cụ thể cách thức thực hiện qua hình thức trực tuyến thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức thực hiện phù hợp.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
Tên thành phần hồ sơ: Tài liệu thiết kế dự án; Tài liệu ý tưởng dự án được phê duyệt; Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững; Phương thức liên lạc; Đề xuất tỉ lệ phân bổ tín chỉ; Bản sao có chứng thực các loại giấy phép liên quan đến hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định hiện hành	- Nêu rõ lý do quy định: Công khai, minh bạch thành phần hồ sơ cần cung cấp để cơ quan nhà nước có đủ thông tin thẩm định; đồng thời, quy định thành phần hồ sơ phù hợp với đối tượng nộp thủ tục hành chính, cũng như đối với từng cách thức thực hiện thủ tục hành chính. - Tài liệu thiết kế dự án kèm Kế hoạch giám sát dự án; Báo cáo thẩm định tài liệu thiết kế dự án của đơn vị thẩm định quy định tại Điều 14, Tài liệu ý tưởng dự án được phê duyệt; Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững; Phương thức liên lạc; Đề xuất tỉ lệ phân bổ tín chỉ kèm hồ sơ chứng minh đóng góp tài chính của các bên tham gia dự án; Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực các loại giấy phép liên quan đến hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định hiện hành. - Yêu cầu về hình thức: Bản điện tử Lý do quy định: Phù hợp với cách thức thực hiện thủ tục hành chính (nộp trực tuyến).

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tên TTHC 7: Đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài

STT	Công việc khi thực hiện TTHC	Hoạt động/cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc	Mức chi phí thuê tư vấn	Mức phí, lệ phí	Số lần thực hiện/ 1 năm	Số đối tượng thực hiện/ 1 năm	Chi phí thực hiện TTHC	Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm
1	**Chuẩn bị hồ sơ**									
	Tài liệu thiết kế dự án	Sao chụp	0.5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Kế hoạch giám sát dự án	Sao chụp	0.5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Báo cáo thẩm định tài liệu thiết kế dự án của đơn vị thẩm định	Sao chụp	0.5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Tài liệu ý tưởng dự án được phê duyệt	Sao chụp	0.5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Kế hoạch thực hiện PTBV	Sao chụp	0.5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Phương thức liên lạc	Sao chụp	0.5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Đề xuất tỷ lệ phân bổ tín chỉ	Sao chụp	0.5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Hồ sơ chứng minh đóng góp tài chính	Sao chụp	0.5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Các loại giấy phép liên quan đến hoạt động chuyên môn của dự án	Sao chụp	0.5	24000	0	0	1	1	12000	12000
2	**Nộp hồ sơ**									
	Trực tuyến		0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
3	**Nhận kết quả**									
	Trực tuyến		0,1	24000	0	0	1	1	2400	2400
	Tổng số								**122400**	**122400**

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 8: Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)*	- Luật Bảo vệ môi trường - Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu - Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô dôn
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)*	
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau: a) Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp tín chỉ tới cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị cấp tín chỉ; Báo cáo giám sát dự án; Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ dự án; Báo cáo phát triển bền vững; Đề xuất tỉ lệ phân bổ tín chỉ trong trường hợp có điều chỉnh kèm giải trình đề xuất điều chỉnh tỉ lệ phân bổ tín chỉ; b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thông báo cho tổ chức đề nghị về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề nghị hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo; Sau 15 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo, trường hợp tổ chức không gửi hồ sơ đã được hoàn thiện theo văn bản thông báo thì phải thực hiện nộp lại hồ sơ như lần đầu. c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản;

	d) Trong thời hạn 05 ngày sau khi nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thực hiện cơ chế thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc cấp tín chỉ các-bon và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức đề nghị; trong trường hợp không cấp tín chỉ các-bon thì phải nêu rõ lý do.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định phân định rõ trách nhiệm thực hiện của các cá nhân, tổ chức và cơ quan giải quyết TTHC khi thực hiện TTHC.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có □ Không □ Nêu rõ lý do: ……..
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có □ Không x□ Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: …….. Lý do quy định: ……..
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử x□ b) Nhận kết quả: Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử x□	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định cụ thể cách thức thực hiện qua hình thức trực tuyến thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức thực hiện phù hợp.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
Tên thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp tín chỉ; Báo cáo giám sát dự án; Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ dự án; Báo cáo phát triển bền vững; Đề xuất tỉ lệ phân bổ tín chỉ	- Nêu rõ lý do quy định: Công khai, minh bạch thành phần hồ sơ cần cung cấp để cơ quan nhà nước có đủ thông tin thẩm định; đồng thời, quy định thành phần hồ sơ phù hợp với đối tượng nộp thủ tục hành chính, cũng như đối với từng cách thức thực hiện thủ tục hành chính. - Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị cấp tín chỉ; Báo cáo giám sát dự án; Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ dự án; Báo cáo phát triển bền vững; Đề xuất tỉ lệ phân bổ tín chỉ trong trường hợp có điều chỉnh kèm giải trình đề xuất điều chỉnh tỉ lệ phân bổ tín chỉ. - Yêu cầu về hình thức: Bản điện tử

trong trường hợp có điều chỉnh	Lý do quy định: Phù hợp với cách thức thực hiện thủ tục hành chính (nộp trực tuyến).

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tên TTHC 8: Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài

STT	Công việc khi thực hiện TTHC	Hoạt động/cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Mức TNBQ/01 giờ làm việc	Mức chi phí thuê tư vấn	Mức phí, lệ phí	Số lần thực hiện/1 năm	Số đối tượng thực hiện/1 năm	Chi phí thực hiện TTHC	Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm
1	**Chuẩn bị hồ sơ**									
	Đơn đề nghị cấp tín chỉ	Điền	1	24000	0	0	1	1	24000	24000
	BC giám sát DA	Sao chụp	0.,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ DA	Sao chụp	0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Báo cáo PTBV	Sao chụp	0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Đề xuất điều chỉnh tỷ lệ phân bổ tín chỉ kèm hồ sơ giải trình	Sao chụp	0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Lượng kết quả	Điền	1	24000	0	0	1	1	24000	24000
2	**Nộp hồ sơ**									
	Trực tuyến		0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
3	**Nhận kết quả**									
	Trực tuyến		0,1	24000	0	0	1	1	2400	2400
	Tổng số								**150400**	**150400**

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 9: Ban hành Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Trong thời gian qua có một số Bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất và triển khai các thỏa thuận mua bán tín chỉ các-bon với các đối tác quốc tế (Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ ký giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Ngân hàng Thế giới; đề xuất của TP. Hồ Chí Minh…). Trước khi trao đổi tín chỉ các-bon ra quốc tế, các bên cần làm rõ việc trao đổi tín chỉ có ảnh hưởng đến NDC của Việt Nam hay không, đồng thời, cần phải có Thư chấp thuận theo quy định quốc tế. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Theo quy định quốc tê cần phải có Thư chấp thuận đối với các thỏa thuận mua bán tín chỉ các-bon với các đối tác quốc tế (Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ ký giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Ngân hàng Thế giới; đề xuất của TP. Hồ Chí Minh…) trước khi trao đổi tín chỉ các-bon ra quốc tế.
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Quyền được thỏa thuận mua bán tín chỉ các bon với các đối tác quốc tế. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Đảm bảo không ảnh hưởng đến NDC của Việt Nam và thực hiện đúng quy định của quốc tế.
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Kiểm soát việc ảnh hưởng đến NDC của Việt Nam và thực hiện đúng quy định quốc tế. b) Nêu rõ điều, khoản quy dinh thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Khoản 16 Điều 20

4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	Có □ Không x Nếu Có, nêu rõ biện pháp: …… Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do: ……..... Nếu Không, nêu rõ lý do: Thực hiện theo quy định quốc tế.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Thẩm quyền quy định tại Điều 91, 139 Luật Bảo vệ môi trường
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có □ Không x - Với văn bản của cơ quan khác: Có □ Không x - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có □ Không x
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Quy định rõ các bước đối với từng trường hợp cụ thể như sau: (1) Đối với các dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định; (2) Đối với các dự án đầu tư công không thuộc cơ chế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định; (3) Đối với các dự án theo cơ chế quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20 Nghị định
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Quy định rõ trách nhiệm các tổ chức, cá nhân; Bộ Tài nguyên và Môi trường; các cơ quan được lấy ý kiến.

c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có x Không □ Nêu rõ lý do: Quy định liên thông giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với các cơ quan lấy ý kiến.
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có □ Không x Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: ……..... Lý do quy định: …… - Các biện pháp có thể thay thế: Có □ Không □ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ….....
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp x Bưu chính x Điện tử x b) Nhận kết quả: Trực tiếp x Bưu chính x Điện tử x	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có x Không □ Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ cách thức và thời gian thực hiện - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có x Không □ Nêu rõ lý do: Phù hợp với từng hình thức tiếp nhận và việc thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đối với việc cấp Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định: đơn đề nghị cấp Thư chấp thuận	- Nêu rõ lý do quy định: Quy định rõ hồ sơ để cung cấp thông tin xem xét, giải quyết TTHC, cũng như công khai, minh bạch thực hiện - Yêu cầu về hình thức: Bản chính Lý do quy định: Đơn do tổ chức lập.
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Đối với việc cấp Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế theo Thỏa thuận mua bán tín chỉ các-bon	- Nêu rõ lý do quy định: Quy định rõ hồ sơ để cung cấp thông tin xem xét, giải quyết TTHC, cũng như công khai, minh bạch thực hiện - Yêu cầu về hình thức: Bản chính Lý do quy định: báo cáo và tài liệu do tổ chứclập.

ký kết giữa bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và bên ký kết nước ngoài: Báo cáo tình hình thực hiện dự án; Tài liệu thiết kế dự án; Lượng kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon đề xuất chuyển giao quốc tế	
c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có □ Không x Nêu rõ: …….....
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): …….....
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có x Không □ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 05 ngày làm việc đối với trường hợp ban hành Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định; 25 ngày làm việc đối với trường hợp ban hành Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế theo Thỏa thuận mua bán tín chỉ các-bon ký kết giữa bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và bên ký kết nước ngoài. Lý do quy định: Bảo đảm thời hạn để tiếp nhận, xem xét, đánh giá và xử lý hồ sơ.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có □ Không □ Lý do quy định: …….....
6. Đối tượng thực hiện	

a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước x Nước ngoài □ Mô tả rõ: Theo từng đối tượng như sau: (1) Đối với các dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định; (2) Đối với các dự án đầu tư công không thuộc cơ chế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định; Lý do quy định: Phù hợp với đối tượng dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các – bon - Tổ chức: Trong nước x Nước ngoài □ Mô tả rõ: Như trên. Lý do quy định: Như trên. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có □ Không x Nêu rõ lý do: Đã phân định rõ đối tượng theo dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chủ các-bon
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc x Vùng □ Địa phương □ - Nông thôn □ Đô thị □ Miền núi □ - Biên giới, hải đảo □ - Lý do quy định: ……..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có □ Không x Nêu rõ lý do: Đã quy định toàn quốc.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: Áp dụng lần đầu triển khai Công ước.	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có x Không □ - Lý do quy định: Bộ Tài nguyên và Môi trường vì là cơ quan đầu mối tổ chức thực hiện cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Nghị định thư Kyoto; có trách nhiệm chủ trì định kỳ cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định theo Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, đầu mối
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có □ Không x Nêu rõ lý do: Theo quy định và kinh nghiệm quốc tế.

8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không x Có □ Nếu có, nêu rõ lý do: …… - Phí: Không x Có □ Nếu Có nêu rõ lý do: .....…… - Chi phí khác: Không x Có □ Nếu Có, nêu rõ lý do: …… - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): …….. + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): …….. + Mức chi phí khác: …… + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có □ Không □ Lý do: …… - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: .....
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có □ Không □ Nội dung quy định: ……..... Lý do quy định: ……....
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có x Không □ Lý do: Thuận lợi trong việc hoàn thiện hồ sơ TTHC.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: …….....	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp Thư chấp thuận + Nội dung thông tin 1: Thông tin định danh cá nhân, tổ chức. Lý do quy định: Phục vụ cung cấp thông tin đối tượng thực hiện + Nội dung thông tin: Thông tin đề nghị cấp Thư chấp thuận Lý do quy định: Cung cấp thông tin để xem xét giải quyết TTHC. - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □ Không x

	Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: ……..... Lý do quy định: ……....
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt □ Song ngữ x Nêu rõ loại song ngữ: Tiếng Anh Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): Phù hợp với tổ chức trong và ngoài nước.
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có □ Không x□ Lý do quy định: ……....
a) Yêu cầu, điều kiện 1:	- Lý do quy định: ……..... - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không □ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: …… + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không □ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): ……..
b) Yêu cầu, điều kiện: ……..... ……..	- Lý do quy định: …… - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không □ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: …… + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không □ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): ……...
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép □ - Giấy chứng nhận □ - Giấy đăng ký □ - Chứng chỉ □ - Thẻ □ - Quyết định hành chính □

	- Văn bản xác nhận/chấp thuận □ - Loại khác: x□ Đề nghị nêu rõ: Thư Chấp thuận Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có □ Không x□ Lý do: Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ quy định ở Thông tư.
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có □ Không x□ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: ……. tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ quy định ở Thông tư.
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc x□ Địa phương □ Lý do:
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Bộ Tài nguyên và Môi trường	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tên TTHC 9: Thư chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế

STT	Công việc khi thực hiện TTHC	Hoạt động/cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Mức TNBQ/01 giờ làm việc	Mức chi phí thuê tư vấn	Mức phí, lệ phí	Số lần thực hiện/1 năm	Số đối tượng thực hiện/1 năm	Chi phí thực hiện TTHC	Tổng chi phí thực hiện TTHC/năm
1	**Chuẩn bị hồ sơ**									
	Đơn đề nghị	Điền	2	24000	0	0	1	1	48000	48000
	Báo cáo tình hình	XD BC	4	24000	0	0	1	1	96000	96000
	Tài liệu thiết kế DA	Sao chụp	0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
	Lượng kết quả giảm nhẹ và lượng tín chỉ đề xuất chuyển giao	Điền	4	24000	0	0	1	1	96000	96000
2	**Nộp hồ sơ**									
	Trực tiếp		4	24000	0	0	1	1	96000	96000
	Trực tuyến		0,5	24000	0	0	1	1	12000	12000
3	**Nhận kết quả**									
	Trực tiếp		4	24000	0	0	1	1	96000	96000
	Trực tuyến		0,1	24000	0	0	1	1	2400	2400
	Tổng số								**458400**	**458400**

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC QUY ĐỊNH CHI TIẾT HOẶC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

Tên dự án, dự thảo văn bản: Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô dôn

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Thủ tục xác nhận tín chỉ các-bon được phép giao dịch

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)*	- Luật Bảo vệ môi trường - Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu - Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô dôn
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)*	
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Sửa đổi khoản 2 Điều 18 quy định cụ thể về trình tự thực hiện, cụ thể: a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xác nhận tín chỉ các-bon được giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này nộp đơn theo Mẫu số 01 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này về Bộ Tài nguyên và Môi trường qua tài khoản trên hệ thống đăng ký quốc gia;

	b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xác minh trên cơ sở đối chiếu thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp với thông tin trên Hệ thống đăng ký quốc gia và gửi thông báo xác nhận tín chỉ các-bon được phép giao dịch trên sàn cho tổ chức, cá nhân qua Hệ thống đăng ký quốc gia. Trường hợp không xác nhận, Bộ Tài nguyên và Môi trường phải nêu rõ lý do.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Phân định rõ trách nhiệm, nội dung công việc của tổ chức, cá nhân và cơ quan giải quyết TTHC trong thực hiện TTHC.
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử x□ b) Nhận kết quả: Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử x□	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định thực hiện trực tuyến toàn trình trên Hệ thống đăng ký quốc gia. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Thực hiện và nhận kết quả trực tuyến trên Hệ thống đăng ký quốc gia
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị	- Nêu rõ lý do quy định: Thực hiện trên Hệ thống đăng ký quốc gia nên các thông tin dữ liệu được tái sử dụng, giúp đơn giản hóa thành phần hồ sơ, chỉ cần đơn đề nghị cung cấp thông tin cho thẩm định, giải quyết TTHC. - Yêu cầu về hình thức: Bản điện tử Lý do quy định: Phù hợp với cách thức thực hiện.
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ	Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên)*: …….....
5. Thời hạn giải quyết	

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có x□ Không □ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 15 ngày kể từ ngày nhận đơn. Lý do quy định: Minh bạch và đảm bảo thời gian để xem xét, xử lý hồ sơ.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có □ Không □ Lý do quy định: ……
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước x□ Nước ngoài x□ Lý do quy định: Tại Điều 16, đối tượng tham gia thị trường các-bon có 02 đối tượng: i) cơ sở phải thực hiện kiểm kê KNK; ii) tổ chức thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước, quốc tế; iii) tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon. Tuy nhiên, quy định này chưa quy định rõ đối tượng tham gia trao đổi hạn ngạch phát thải KNK và đối tượng tham gia trao đổi tín chỉ các-bon. Về trao đổi hạn ngạch phát thải KNK, kinh nghiệm quốc tế cho thấy các nước có quy định khác nhau nhau về các đối tượng tham gia trao đổi hạn ngạch tùy theo mục đích quản lý như: không hạn chế đối tượng tham gia trao đổi (Liên minh Châu Âu); chỉ cho phép các cơ sở được phân bổ hạn ngạch và một số ít các cơ quan, tổ chức thiết lập thị trường các-bon (Hàn Quốc); chỉ giới hạn các cơ cở được phân bổ hạn ngạch được trao đổi với nhau (Trung Quốc). Đối với Việt Nam, thị trường trao đổi tín chỉ các-bon đã có nhiều hoạt động giao dịch dưới hình thức thỏa thuận, trong khi thị trường trao đổi hạn ngạch phát thải KNK đang trong quá trình thiết lập. Do đó, để tăng sự ổn định của thị trường, đề xuất sửa đổi quy định đối tượng được tham gia trao đổi trên thị trường các-bon trong nước (Điều 16) gồm: i) Đối tượng tham gia trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính là cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính; ii) Đối tượng tham gia trao đổi tín chỉ các-bon gồm: các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính; các tổ chức có chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon; các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon.

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Chấp thuận, chuyển đổi dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)*	- Luật Bảo vệ môi trường - Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu - Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô dôn
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)*	
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Bổ sung thủ tục về chuyển đổi dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, điều ước và thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Quy định cụ thể trình tự thực hiện như sau: a) Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi dự án tới Bộ Tài nguyên và Môi trường qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Hồ sơ đề nghị chuyển đổi dự án bao gồm: Đơn đề nghị; Tài liệu thiết kế dự án; Báo cáo kỹ thuật hoặc báo cáo thẩm định dự án theo quy định của cơ chế; Bản sao có chứng thực các loại giấy phép và văn bản có liên quan đến hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định hiện hành. b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối nếu hồ sơ không hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị là không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo bằng văn bản về việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức đánh giá hồ sơ đề nghị chuyển đổi dự án thông qua việc lấy ý kiến cơ quan có liên quan. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ; d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định chuyển đổi dự án và thông báo cho tổ chức đề nghị; trong trường hợp không được chấp thuận, chuyển đổi thì phải nêu rõ lý do.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội	Có x□ Không □ Nêu rõ lý do:

dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Quy định phân định rõ trách nhiệm thực hiện của các cá nhân, tổ chức và cơ quan giải quyết TTHC khi thực hiện TTHC.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có □ Không □ Nêu rõ lý do: ……....
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có □ Không x□ Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: ……..... Lý do quy định: …….....
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử x□ b) Nhận kết quả: Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử x□	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định cụ thể cách thức thực hiện qua hình thức trực tuyến thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có x□ Không □ Nêu rõ lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức thực hiện phù hợp.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
Tên thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị; Tài liệu thiết kế dự án; Báo cáo kỹ thuật hoặc báo cáo thẩm định dự án theo quy định của cơ chế; Bản sao có chứng thực điện tử các loại giấy phép đăng ký hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định hiện hành	- Nêu rõ lý do quy định: Công khai, minh bạch thành phần hồ sơ cần cung cấp để cơ quan nhà nước có đủ thông tin thẩm định; đồng thời, quy định thành phần hồ sơ phù hợp với đối tượng nộp thủ tục hành chính, cũng như đối với từng cách thức thực hiện thủ tục hành chính. - Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị; Tài liệu thiết kế dự án; Báo cáo kỹ thuật hoặc báo cáo thẩm định dự án theo quy định của cơ chế; Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực các loại giấy phép và văn bản có liên quan đến hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định hiện hành. - Yêu cầu về hình thức: Bản bản điện tử Lý do quy định: Phù hợp với cách thức thực hiện thủ tục hành chính (nộp trực tuyến).